

Số: 1896/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 30 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán hoàn thành nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-UBND ngày 08/10/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 273/TTr-SXD ngày 22/4/2021; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo số 302/BC-STC ngày 23/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán hoàn thành

- Tên nhiệm vụ: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tịnh Kỳ và Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi.

- Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2017-2019.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn | Dự toán | Giá trị phê duyệt quyết toán | Thực hiện | |
|----------------|---------------|------------------------------|---------------|----------------------------|
| | | | Đã thanh toán | Thu hồi nộp ngân sách tỉnh |
| Ngân sách tỉnh | 2.614.890.792 | 2.458.433.500 | 2.461.342.500 | 2.909.000 |

2. Chi phí đầu tư quyết toán:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Dự toán | Giá trị quyết toán |
|--|----------------------|----------------------|
| Tổng số | 2.614.890.792 | 2.458.433.500 |
| 1. Chi phí lập quy hoạch | 1.516.185.000 | 1.501.203.000 |
| 2. Chi phí khảo sát phục vụ lập quy hoạch | 453.426.049 | 398.592.000 |
| 2. Các chi phí liên quan đến lập quy hoạch | 645.279.743 | 558.818.500 |

(Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm)

3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) |
| Tổng số | 2.458.433.500 | | 0 | |
| 1. Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 2.458.433.500 | | 0 | |
| 2. Tài sản ngắn hạn | 0 | | 0 | |

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư nhiệm vụ quy hoạch là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn | Số tiền | Ghi chú |
|----------------|---------------|---------|
| Ngân sách tỉnh | 2.458.433.500 | |

- Tình hình công nợ đến thời điểm thẩm tra:

+ Nợ phải thu: 2.909.000 đồng.

+ Nợ phải trả: 0 đồng.

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

- Thực hiện công nợ: Thu hồi nợ ngân sách tỉnh số tiền 2.909.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Đơn vị tính: đồng

| Tên đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn /cố định | Tài sản ngắn hạn |
|------------------------------|--------------------------|------------------|
| Sở Xây dựng | 2.458.433.500 | 0 |

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

Sở Xây dựng chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện ý kiến của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 302/BC-STC ngày 23/11/2021 và nội dung quyết toán hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 823).



CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh



-



Phụ lục 1

HÀNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN

Dự án Quy hoạch Khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tỉnh Kỳ và Tỉnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi

(Kèm theo Quyết định số 7896 /QĐ-UBND ngày 30 /11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng



| STT | Cơ cấu chi phí | Giá trị dự toán được duyệt | Giá trị Chủ đầu tư trình | Giá trị quyết toán | Tăng (+), giảm (-) so với dự toán | Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị |
|------------|--|----------------------------|--------------------------|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------------|
| I | Chi phí lập đề án quy hoạch | 1.516.185.000 | 1.501.023.000 | 1.501.023.000 | -15.162.000 | 0 |
| II | Chi phí khảo sát phục vụ lập đề án quy hoạch | 453.426.049 | 398.592.000 | 398.592.000 | -54.834.049 | 0 |
| 1 | Chi phí khảo sát | 376.853.000 | 376.853.000 | 376.853.000 | 0 | 0 |
| 2 | Các chi phí liên quan đến khảo sát | 35.352.049 | 21.739.000 | 21.739.000 | -13.613.049 | 0 |
| - | Chi phí kiểm tra, nghiệm thu | 8.701.000 | 6.394.000 | 6.394.000 | -2.307.000 | 0 |
| - | Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát | 11.305.592 | 0 | 0 | -11.305.592 | 0 |
| - | Chi phí giám sát khảo sát | 15.345.457 | 15.345.000 | 15.345.000 | -457 | 0 |
| 3 | Chi phí dự phòng | 41.221.000 | 0 | 0 | -41.221.000 | 0 |
| III | Các chi phí liên quan đến quá trình lập đề án quy hoạch | 645.279.743 | 561.727.500 | 558.818.500 | -86.461.243 | -2.909.000 |
| 1 | Lập nhiệm vụ quy hoạch | 108.877.245 | 108.877.000 | 108.877.000 | -245 | 0 |
| 2 | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch | 19.795.863 | 19.795.000 | 19.795.000 | -863 | 0 |
| 3 | Thẩm định đề án quy hoạch | 92.942.141 | 92.942.000 | 92.942.000 | -141 | 0 |
| 4 | Quản lý nghiệp vụ lập đề án quy hoạch | 87.428.741 | 87.428.000 | 87.428.000 | -741 | 0 |
| 5 | Công bố đề án quy hoạch | 41.350.500 | 40.276.500 | 40.276.500 | -1.074.000 | 0 |
| 6 | Tổ chức lấy ý kiến cộng đồng | 27.567.000 | 0 | 0 | -27.567.000 | 0 |
| 7 | Cắm mốc quy hoạch | 250.000.000 | 197.795.000 | 197.795.000 | -52.205.000 | 0 |
| 8 | Lập HSMST và đánh giá HSDT Tư vấn lập quy hoạch | 14.614.253 | 14.614.000 | 11.705.000 | -2.909.253 | -2.909.000 |
| 9 | Thẩm định HSMST và KQLCNT | 2.000.000 | 0 | 0 | -2.000.000 | 0 |
| 10 | Đăng tải thông tin trên báo đầu thầu | 704.000 | 0 | 0 | -704.000 | 0 |
| | Tổng cộng: | 2.614.890.792 | 2.461.342.500 | 2.458.433.500 | -156.457.292 | -2.909.000 |

Phụ lục 2
BẢNG CÔNG NỢ

Dự án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu vực Tỉnh Kỳ và Tỉnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi
(Kèm theo Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng



| STT | Đơn vị | Nội dung | Giá trị quyết toán | Số thanh toán | Công nợ đến thời điểm thẩm tra | |
|-----|--|--|----------------------|----------------------|--------------------------------|--------------|
| | | | | | Phải thu (-) | Phải trả (+) |
| I | | Chi phí lập đồ án quy hoạch | 1.501.023.000 | 1.501.023.000 | 0 | 0 |
| 1 | Công ty Cổ phần phát triển đô thị Angkora | Lập đồ án quy hoạch | 1.501.023.000 | 1.501.023.000 | 0 | 0 |
| II | | Chi phí khảo sát phục vụ lập đồ án quy hoạch | 398.592.000 | 398.592.000 | 0 | 0 |
| 1 | Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi | Khảo sát | 376.853.000 | 376.853.000 | 0 | 0 |
| 2 | Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế kiểm định công trình SC | Thẩm tra công tác khảo sát đo đạc bản đồ | 6.394.000 | 6.394.000 | 0 | 0 |
| 3 | Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế kiểm định công trình SC | Giám sát khảo sát | 15.345.000 | 15.345.000 | 0 | 0 |
| III | | Các chi phí liên quan đến quá trình lập đồ án quy hoạch | 558.818.500 | 561.727.500 | -2.909.000 | 0 |
| 1 | Trung tâm Quy hoạch và Kiểm định chất lượng công trình xây dựng Quảng Ngãi | Lập nhiệm vụ quy hoạch | 108.877.000 | 108.877.000 | 0 | 0 |
| 2 | Sở Xây dựng Quảng Ngãi | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch | 19.795.000 | 19.795.000 | 0 | 0 |
| 3 | Sở Xây dựng Quảng Ngãi | Thẩm định đồ án quy hoạch | 92.942.000 | 92.942.000 | 0 | 0 |

| STT | Đơn vị | Nội dung | Giá trị quyết toán | Số thanh toán | Công nợ đến thời điểm thẩm tra | |
|-----|---|--|----------------------|----------------------|--------------------------------|--------------|
| | | | | | Phải thu (-) | Phải trả (+) |
| 4 | Ban Quản lý các dự án quy hoạch của Sở Xây dựng | Quản lý nghiệp vụ lập đồ án quy hoạch | 87.428.000 | 87.428.000 | 0 | 0 |
| 5 | Công ty TNHH MTV Quảng Cáo Royal | Công bố đồ án quy hoạch | 40.276.500 | 40.276.500 | 0 | 0 |
| 6 | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công Bằng | Lập HSMT và đánh giá HSDT Tư vấn lập quy hoạch | 11.705.000 | 14.614.000 | -2.909.000 | 0 |
| 7 | Công ty Cổ phần khảo sát thiết kế kiểm định công trình SC | Cấm mốc quy hoạch | 197.795.000 | 197.795.000 | 0 | 0 |
| | Tổng cộng: | | 2.458.433.500 | 2.461.342.500 | -2.909.000 | 0 |